

Số: 44 /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 5 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện công văn 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 2279/BKHĐT-TH ngày 22/4/2021 quy định báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách nhà nước của tỉnh;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:**

- 1. Vốn ngân sách Trung ương trong nước:** 4.724.110 triệu đồng, trong đó:
  - Hoàn trả số vốn ứng trước: 223.410 triệu đồng.
  - Công trình chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2015: 776.440 triệu đồng/11 dự án.
  - Đối ứng ODA: 121.060 triệu đồng/7 dự án.
  - Khởi công mới: 3.603.000 triệu đồng/11 dự án.
- 2. Vốn Ngân sách địa phương:** 4.800.200 triệu đồng, phân bổ cho 13 nội dung



như sau:

- Dự phòng 10%: 174.000 triệu đồng (10% phần vốn Trung ương cân đối).
- Thanh toán công trình hoàn thành năm 2020: 94.877 triệu đồng.
- Đối ứng ODA: 462.496 triệu đồng, trong đó chuyển tiếp 362.496 triệu đồng/11 dự án; Khởi công mới bố trí 100.000 triệu đồng.
- Đối ứng vốn ngân sách Trung ương: 163.000 triệu đồng/2 dự án để đền bù, trong đó Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải 63.000 triệu đồng, Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng 100.000 triệu đồng.
- Đối ứng vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia: 120.000 triệu đồng
- Phân cấp và hỗ trợ các huyện thành phố: 1.881.100 triệu đồng, trong đó: Vốn Trung ương cân đối: 525.000 triệu đồng, Nguồn thu sử dụng đất: 700.000 triệu đồng, Hỗ trợ huyện nông thôn mới: 7.000 triệu đồng, Hỗ trợ xã nông thôn mới: 15.000 triệu đồng, Hỗ trợ xã nông thôn mới nâng cao: 12.600 triệu đồng, Hỗ trợ xã nông thôn mới kiểu mẫu: 4.500 triệu đồng, Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông: 490.000 triệu đồng; Hỗ trợ thực hiện Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2: 127.000 triệu đồng.
- Lập, thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các loại quy hoạch khác: 50.000 triệu đồng,
- Chuẩn bị đầu tư: 60.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ Quốc phòng an ninh: 209.000 triệu đồng, trong đó: BCH Quân sự tỉnh: 90.000 triệu đồng, Công an tỉnh: 55.000 triệu đồng, Biên phòng tỉnh: 64.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ quỹ Phát triển đất: 25.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn: 25.000 triệu đồng.
- Thực hiện dự án: 1.414.827 triệu đồng, trong đó: Chuyển tiếp: 198.331 triệu đồng/10 dự án; Khởi công mới: 785.496 triệu đồng/30 dự án; Hỗ trợ thực hiện các Chương trình, Đề án trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ quan trọng khác: 431.000 triệu đồng.
- Các dự án vay lại từ nguồn vay nước ngoài của chính phủ: 120.900 triệu đồng/5 dự án.

### **3. Vốn nước ngoài: 2.274.800 triệu đồng, dự kiến phân bổ như sau:**

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025: 2.167.800 triệu đồng/9 dự án;
- Khởi công mới: 107.000 triệu đồng/1 dự án.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 17 tháng 5 năm 2021 ./.

Nơi nhận: *ll*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Ủy ban TC-NS Quốc Hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



*Thanh*  
Nguyễn Đức Thanh





**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH trung hạn giai đoạn 2016-2020		KH trung hạn 2021-2025 tỉnh đăng ký	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng CP thông báo	Tỷ lệ Thủ tướng Chính phủ thông báo		Dự kiến KH trung hạn 2021-2025 của tỉnh	Tỷ lệ so với KH 2016-2020 HĐND tỉnh giao	Ghi chú
		Trung ương giao	HĐND tỉnh giao			So với KH trung hạn 2016-2020	So với tỉnh đăng ký			
1	2	3	4	5	6	7=6/3	8=6/5	9	10=9/4	10
	<b>Tổng số</b>	<b>9.186.983</b>	<b>9.816.003</b>	<b>19.465.000</b>	<b>10.019.110</b>	<b>109,1%</b>	<b>51,5%</b>	<b>11.799.110</b>	<b>120,2%</b>	
I	<b>Ngân sách địa phương</b>	<b>2.802.177</b>	<b>3.431.197</b>	<b>3.800.000</b>	<b>3.020.200</b>	<b>107,8%</b>	<b>79,5%</b>	<b>4.800.200</b>	<b>88,0%</b>	
-	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	1.556.277	1.556.277	1.712.000	1.747.300	112,3%	102,1%	1.747.300	112,3%	Theo thông báo của Thủ tướng Chính phủ
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	573.000	573.000	1.000.000	720.000	125,7%	72,0%	1.800.000	314,1%	<p>- Đối với cấp tỉnh: Theo danh mục khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 với 61 vị trí tổng diện tích 3.551 ha, trong đó dự kiến các dự án của tỉnh 44 vị trí với diện tích 3.300 ha (đối với thành phố PRTC &gt;20ha, các huyện &gt;10ha). Dự kiến 1 tỷ đồng/ha, tương đương 3.300 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021-2025 dự kiến tính 50%, tương đương 1.650 tỷ đồng. Trích 30% cho Quỹ Phát triển đất, 10% do đặc, còn lại đưa vào đầu tư công 60%, khoảng 980 tỷ đồng.</p> <p>Ngoài ra, thu tiền đất 4 trụ sở (Hội Nông dân, Bảo hiểm XH tỉnh, bảo hiểm XH Ninh Sơn, Nhà 198 Thống nhất) để đền bù Trung tâm hành chính tập trung 120 tỷ đồng</p> <p>- Đối với cấp huyện: Năm 2021 tình giao 146,5 tỷ đồng, dự kiến các năm 2022-2025 giao thu bằng năm 2021. Theo đó gờ 2021-2025 thu khoảng 700 tỷ đồng.</p>



STT	Nguồn vốn	KH trung hạn giai đoạn 2016-2020		KH trung hạn 2021-2025 tình đăng ký	KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng CP thông báo	Tỷ lệ Thủ tướng Chính phủ thông báo		Dự kiến KH trung hạn 2021-2025 của tỉnh	Tỷ lệ so với KH 2016-2020 HOND tình giao	Ghi chú
		Trung ương giao	HOND tình giao			So với KH trung hạn 2016-2020	So với tình đăng ký			
1	2	3	4	5	6	7=6/3	8=6/5	9	10=9/4	10
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	353.000	353.000	396.000	432.000	122,4%	109,1%	432.000	122,4%	Theo thông báo của Thủ tướng Chính phủ
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	319.900	319.900		120.900	37,8%		120.900	37,8%	Theo thông báo của Thủ tướng Chính phủ
-	Tăng thu, kết dư ngân sách		629.020	692.000			0,0%	700.000	111,3%	Tăng khoảng 10% so với giai đoạn 2016-2020
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>6.384.806</b>	<b>6.384.806</b>	<b>14.460.000</b>	<b>6.998.910</b>	<b>109,6%</b>	<b>48,4%</b>	<b>6.998.910</b>	<b>109,6%</b>	
1	Vốn trong nước	4.657.297	4.657.297	8.835.000	4.724.110	101,4%	53,5%	4.724.110	101,4%	
-	Hoàn ứng				223.410			223.410		
-	Dự án liên tỉnh, liên vùng				1.100.000			1.100.000		
2	Vốn nước ngoài	1.727.509	1.727.509	5.625.000	2.274.800	131,7%	40,4%	2.274.800	131,7%	
<b>III</b>	<b>Vốn Chương trình MTQG</b>			<b>1.205.000</b>						



**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí	KH 2021-2025 Bộ trình TTg	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>					<b>4.724.110</b>	<b>4.724.110</b>	
<i>a</i>	<i>Hoàn trả vốn ứng trước</i>					<b>223.410</b>	<b>223.410</b>	
<i>b</i>	<i>Chuyển tiếp</i>						<b>776.640</b>	Đủ 100% TMĐT
1	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná, huyện Thuận Nam	Chi cục Phát triển nông thôn	2122 22/10/12 380 13/3/2018	36.404	32.700		3.700	
2	Đập hạ lưu Sông Dinh	Chi cục Thủy lợi	2171 2/10/15 590 10/4/17	691.498	544.390		147.000	
3	Dự án phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất (Trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, trồng cây phân tán, trồng cây thực nghiệm, cơ sở hạ tầng lâm sinh... của 9 đơn vị bảo vệ rừng)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1632 đến 1635 24/8/12 1639 27/8/12 1645, 1647 28/8/12 1701, 1702 06/9/12	50.000	40.000		10.000	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMDT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí	KH 2021-2025 Bộ trình TTg	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
4	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2016-2020	BQL Vườn Quốc gia Núi chúa	2444 30/10/15 603 18/3/16	150.000	119.794		30.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020	BQL Vườn Quốc gia Phước Bình	2056 12/10/12 2206 30/10/12 823 31/3/16	100.000	80.033		19.000	
6	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	2443a 30/10/15 2284 29/11/2017	100.000	77.800		26.200	
7	Đường đôi vào 2 đầu thành phố (đoạn phía Nam)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	179/QĐ-UBND 13/02/2020	503.874	261.000		242.740	
8	Hồ chứa nước Sông Than	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	707/QĐ-UBND 03/5/2018	1.041.000	855.000		186.000	
9	Kè chống sạt lở Nhơn Hải đến Thanh Hải	UBND huyện Ninh Hải	866/QĐ-UBND 11/6/2020	105.000	52.500		52.000	
10	Kè chống sạt lở khu vực cảng Cà Ná	UBND huyện Thuận Nam	1246 30/7/2020	50.000	25.000		25.000	
11	Đê cửa Sông Phú Thọ	Chi cục Thủy lợi	865 11/6/2020	70.000	35.000		35.000	
	<b>Đôi ứng ODA</b>						<b>121.060</b>	Bảng KH năm 2021, còn lại bố trí từ vốn NSĐP
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1291 21/6/2013				3.400	
2	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	1769/QĐ-UBND 22/11/2018	10.000	5.237		2.000	



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMDT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí	KH 2021-2025 Bộ trình TTg	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
3	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	1770/QĐ-UBND 29/10/2018 1534	19.968	10.000		4.000	
4	Hồ sinh thái Kiên Kiên	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	109.768	28.006		45.560	
5	Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2989a/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 1532/QĐ-UBND 24/9/2019	282.411	115.900		34.400	
6	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	561/QĐ-TTg 28/5/2018 1154/qđ-UBND 10/7/2018 812/QĐ-UBND 02/6/2020	150.643	8.000		22.000	
7	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, Hợp phần tỉnh Ninh Thuận - Ngân hàng thế giới (WB)	Sở Y tế	491/QĐ-UBND 01/4/2019	19.548			9.700	
<b>d</b>	<b>Khởi công mới</b>			<b>4.117.754</b>	<b>-</b>	<b>1.100.000</b>	<b>3.603.000</b>	
	<b>Nông nghiệp</b>			<b>1.522.749</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.502.000</b>	
1	Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biều	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	32/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	517.446			510.000	HĐND tỉnh đã thông qua bố trí KH năm 2021
2	Hệ thống kênh tưới của Hồ chứa nước sông Than	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	96/NQ-HĐND 10/12/2020	395.847			390.000	



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí	KH 2021-2025 Bộ trình TTg	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
3	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn		394.140			390.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2016-2020	BQL Vườn Quốc gia Núi chúa		132.979			130.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020	BQL Vườn Quốc gia Phước Bình		82.337			82.000	
	<b>Giao thông</b>			<b>2.354.901</b>	<b>-</b>	<b>1.100.000</b>	<b>1.950.000</b>	
6	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	62/NQ-HĐND 10/12/2020	1.494.746		1.100.000	1.100.000	Theo đúng danh mục và mức vốn TTg thông báo CV 419/TTg-KTTH
7	Đường vành đai phía Bắc (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đi Quốc lộ 1A)	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	60/NQ-HĐND 10/12/2020	487.640			480.000	HĐND tỉnh đã thông qua bố trí K năm 2021
8	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	61/NQ-HĐND 10/12/2020	372.515			370.000	HĐND tỉnh đã thông qua bố trí K năm 2021
	<b>Công nghiệp</b>			<b>80.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.000</b>	
9	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	1803/QĐ-UBND 30/10/2018	80.000			50.000	HĐND tỉnh đã thông qua bố trí K năm 2021
	<b>Y tế</b>			<b>109.879</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.000</b>	
10	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	70/QĐ-UBND 13/01/2021	109.879			56.000	HĐND tỉnh đã thông qua bố trí K năm 2021
	<b>ANQP</b>			<b>50.225</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.000</b>	
11	Rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh giai đoạn 2 (2021-2025)	BCH Quân sự tỉnh	79/NQ-HĐND 10/12/2020	50.225			45.000	

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
	<b>Cân đối NSDP</b>				<b>3.021.726</b>	<b>622.737</b>	<b>2.899.300</b>	<b>4.800.200</b>	
	- Vốn TW cân đối				1.556.477	347.737	1.747.300	1.747.300	
	- Thu tiền sử dụng đất				476.047	200.000	720.000	1.800.000	- Đối với cấp tỉnh: Theo danh mục khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 với 61 vị trí tổng diện tích 3 551 ha, trong đó dự kiến các dự án của tỉnh 44 vị trí với diện tích 3.300 ha (đối với thành phố PRTC >20ha, các huyện >10ha). Dự kiến 1 tỷ đồng/ha, tương đương 3.300 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021-2025 dự kiến tính 50%, tương đương 1.650 tỷ đồng. Trích 30% cho Quỹ Phát triển đất, 10% do đặc, còn lại đưa vào đầu tư công 60%, khoảng 980 tỷ đồng. Ngoài ra, thu tiền đất 4 trụ sở (Hội Nông dân, Bảo hiểm XH tỉnh, bảo hiểm XH Ninh Sơn, Nhà 198 Thống nhất) để đền bù Trung tâm hành chính tập trung 120 tỷ đồng - Đối với cấp huyện: Năm 2021 tính giao 146,5 tỷ đồng, dự kiến các năm 2022-2025 giao tưu bằng năm 2021. Theo đó gđ 2021-2025 thu khoảng 700 tỷ đồng.
	- Thu XSKT				360.000	75.000	432.000	432.000	
	- Kết dư, Tăng thu ngân sách địa phương				629.202			700.000	Tăng 10% so với giai đoạn 2016-2020
	- Bội chi NSDP						120.900	120.900	
<b>A</b>	<b>DỰ PHÒNG 10%</b>							<b>174.000</b>	Chỉ tính phần TW cân đối
<b>B</b>	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT 90%</b>							<b>4.626.200</b>	
<b>I</b>	<b>THANH TOÁN CT HOÀN THÀNH</b>				<b>221.736</b>			<b>94.877</b>	



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
1	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai trường mẫu giáo Công Hải, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc	Chi cục Thủy lợi	1777 29/10/2018	7.374	5.480	1.100		1.800	
2	Đường Tỉnh lộ 702 đến đèo Khánh Nhơn, thuộc Dự án Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	2075a 30/10/2017	74.616	67.144	15.600		6.300	
3	Dự án công nghệ thông tin các cơ quan Đảng Tỉnh Ninh Thuận	Văn phòng Tỉnh ủy	2083 30/10/2017	13.000	11.700	2.600		1.300	
4	Khắc phục sạt lở bờ sông đoạn sau lưng Miếu Năm Bà, thôn Ninh Quý 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước	UBND huyện Ninh Phước	644 24/4/2019 1598 01/10/2019	14.900	12.700	6.700		1.173	
5	Xây dựng các hạng mục Trường THPT Ninh Hải, huyện Ninh Hải	BQLDA Đầu tư xây dựng các CT dân dụng và công nghiệp	874a/UBND 30/5/2019	11.800	10.000	2.300		1.504	
6	Nâng cấp đồng bộ hệ thống tiết bị truyền hình thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	1774 29/10/2018 181 27/01/2021	11.000	9.300	4.800		1.700	
7	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	2685 31/10/2016 306 11/3/2020	145.000	82.464	18.500		26.500	
8	Cải tạo hoàn thiện trung tâm cai nghiện bắt buộc thành Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh	Sở Lao động Thương binh Xã hội	2657 28/10/2016	28.366	22.948			5.405	
9	Làng thanh niên lập nghiệp xã Phước Đại	Tỉnh Đoàn	356-QĐ/TWĐTN 21/10/13	15.872	10.334			5.600	
10	Sửa chữa hồ chứa nước Lanh Ra	Cty Khai thác công trình thủy lợi	1090/QĐ-UBND 07/07/2020	11.147	6.000			5.147	
11	Hệ thống thu gom xử lý và tái sử dụng nước thải thành phố PRTC	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	590/QĐ-UBND 07/4/2021	10.522	8.900			1.622	
12	Đường đi bộ ven biển khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		55.971	44.365	5.400		6.388	
13	Đường Ba Tháp Suối Le	Sở Giao thông Vận tải						8.187	
14	Nâng cấp đường Phước Đại Phước Trung	Sở Giao thông Vận tải						215	
15	Xử lý khẩn cấp hiện tượng chổng thắm cục bộ mái hạ lưu đập đất hồ chứa nước Sông Biều	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						36	
	Thanh toán công trình khi có quyết toán							22.000	
<b>II</b>	<b>ĐỐI ƯNG ODA</b>				<b>281.975</b>			<b>462.496</b>	



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>							<b>362.496</b>	
1	Trường trung cấp nghề tỉnh Ninh Thuận	Trường Cao đẳng nghề	2644 03/12/10	160.749	102.881	6.500		11.460	
2	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	564/QĐ-UBND 31/3/2017	51.034	20.400	10.000		20.000	
3	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	20.286	7.750	5.400		12.536	
6	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	83/QĐ-UBND 18/01/2019	13.827	4.100	1.200		6.700	
7	Hồ sinh thái Kiên Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	109.768	13.506	4.000		50.000	
8	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1769/QĐ-UBND 22/11/2018	10.000	5.200	2.200		2.800	
9	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1770/QĐ-UBND 29/10/2018 1534 04/9/2020	19.968	10.000	4.000		5.000	
10	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2989a/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 1532/QĐ-UBND 24/9/2019	282.411	115.900	58.100		131.000	
11	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	561/QĐ-TTg 28/5/2018 1154/qđ-ubnd 10/7/2018 812/QĐ-UBND 02/6/2020	150.643	2.238	2.238		123.000	
	<b>Khởi công mới</b>			<b>1.000.875</b>				<b>100.000</b>	Bố trí 10% theo Nghị quyết 115/NQ-CP
	Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ trong bối cảnh thiếu an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ"			20.816					
	Dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - Hợp phần tỉnh Ninh Thuận			226.286					



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
	Dự án Giảm phát khí thải nhà kính khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ tỉnh Ninh Thuận			260.000					
	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KfW9 (giai đoạn 1) tỉnh Ninh Thuận			37.959					
	Dự án Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước và Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn			15.261					
	Dự án Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - Tiểu dự án Ninh Thuận.			262.039					
	Dự án Phát triển thủy sản bền vững (SFID) tỉnh Ninh Thuận.			98.000					
	Đầu tư mua sắm trang, thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận			29.014					
	vững và ứng phó với biến đổi khí hậu" vay vốn WB			51.500					
<b>III</b>	<b>ĐỐI ỨNG VỐN NSTW</b>							<b>163.000</b>	
1	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	2443a 30/10/15 2284 29/11/2017	110.012	19.881	13.881		63.000	Đền bù
2	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	62/NQ-HĐND 10/12/2020	1.490.000				100.000	Đền bù
<b>IV</b>	<b>ĐỐI ỨNG CT MTQG</b>					<b>3.900</b>		<b>120.000</b>	<b>Đang kiến nghị 3 Chương trình 1200 tỷ đối ứng 10%</b>
<b>V</b>	<b>PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, TP</b>							<b>1.881.100</b>	
1	<i>Phân cấp</i>								
	- Vốn Trung ương cân đối							525.000	30% vốn TW cân đối
	- Thu tiền sử dụng đất							700.000	Bình quân thu tiền đất các năm 2021-2021: bảng KH 2021 tỉnh giao
2	<i>Hỗ trợ các huyện, xã nông thôn mới</i>							39.100	
	Hỗ trợ huyện NTM							7.000	Giai đoạn 2021-2025 đạt 50% huyện NTM trong đươg 3 huyện, đã hoàn thành 1 hu còn lại 2 huyện. Dự kiến hỗ trợ 1 huyện 3. đòng

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
	Hỗ trợ xã đạt NTM					15.000		15.000	Gđ 2C21-2025 đạt 75% xã NTM, tương đương 36 xã, đã đạt 26 xã, còn lại 10 xã. Dự kiến hỗ trợ 1 huyện 1,5 tỷ đồng
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao							12.600	dự kiến 7 xã, mức hỗ trợ 1,2 lần xã NTM, tương đương 1,8 tỷ/xã
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu							4.500	dự kiến 2 xã, mức hỗ trợ 1,5 lần xã NTM, tương đương 2,250 tỷ/xã
3	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông							490.000	Nhu cầu đầu tư 1.585 phòng học, tương đương 800 tỷ (suất đầu tư 550 tr/phòng) Hỗ trợ 60% nhu cầu, số còn lại đầu tư từ vốn vốn ngân sách huyện.
4	Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2							127.000	Theo như Đề án đã được BTV Tỉnh ủy cho ý kiến và Bộ KHĐT thẩm định
VI	<b>LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 VÀ CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH KHÁC</b>					<b>41.000</b>	<b>40.000</b>	<b>50.000</b>	Trong đó: -20 tỷ lập QH tỉnh, -30 tỷ lập các QH khác
VII	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>					<b>60.000</b>	<b>15.000</b>	<b>60.000</b>	KH 21-25 bằng KH 2016-2020
VIII	<b>HỖ TRỢ QPAN</b>					<b>174.000</b>	<b>63.500</b>	<b>209.000</b>	KH 21-25 tăng 20% so KH 2016-2020
	BCH Quân sự tỉnh					104.000	33.000	90.000	
	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh					30.000	15.000	55.000	
	Công an tỉnh					40.000	15.500	64.000	
IX	<b>HỖ TRỢ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT, QUỸ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NHÀ Ở CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG XÃ HỘI, DỰ ÁN ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>					<b>50.000</b>	<b>20.000</b>	<b>25.000</b>	10% tiền đất năm 2021, các năm còn lại sẽ trích lập các nội dung này từ nguồn thu đất trước khi đưa vào đầu tư công
X	<b>HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN</b>					<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>25.000</b>	Bình quân mỗi năm 5 tỷ
XI	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>							<b>1.414.827</b>	
a	<i>Chuyển tiếp</i>							<b>198.331</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện chuyên khoa Da liễu - Tâm thần tỉnh	Sở Y tế	1478 27/8/2020	5.000	3.164	3.164		1.836	



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
2	Cải tạo và sửa chữa Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh	1506 01/9/2020	2.500	1.700	1.700		800	
3	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao du lịch	1184 20/7/2020	11.296	5.396	5.369		5.900	
4	Thu viện tỉnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	1775/QĐ-UBND 29/10/2018 537 30/3/2021	43.952	31.000	13.500		12.952	
5	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1844 31/10/2018	197.280	123.881	17.881		73.399	
6	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	1803 30/10/2018	80.000	17.000	9.000		13.000	
7	Đường Ma Núi - Tà Nội	UBND huyện Ninh Sơn	2585 27/10/2017 802 21/5/2019	19.418	10.312	6.500		9.100	
8	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	UBND huyện Bác Ái	1201a 11/8/2020	187.138	148.800			30.000	
9	Khu nhà làm việc của giảng viên Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị	1756 30/10/2019	8.333	2.500	2.500		5.833	
10	Trường Liên cấp THCS, THPT huyện Bác Ái (hạng mục khối hành chính quản trị, nhà bếp + nhà ăn học sinh)	Sở Giáo dục và Đào tạo tại	1845 31/10/2018	3.711	1.200	1.200		2.511	
11	Bệnh viện y dược cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền	70/QĐ-UBND 13/01/2021	109.879	9.905			43.000	
<b>b</b>	<b>Khởi công mới</b>			<b>2.957.873</b>	<b>438.029</b>			<b>785.496</b>	
	<b>Nông nghiệp</b>							<b>280.796</b>	
1	105 cột thu lôi chống sét	Chi cục Thủy lợi		71.600				63.000	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KH 2021 là 17 cột
2	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Hòa, huyện B.Ái	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	04/NQ-HĐND 19/3/2021	5.000				2.000	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KH 2021
3	Xây mới Trạm thủy văn Phước Bình	Chi cục Thủy lợi	95/NQ-HĐND 10/12/2020	851				796	
4	Dự án đóng mới tàu kiểm ngư phục vụ tuần tra, kiểm soát và tìm kiếm cứu nạn trên biển	Chi cục Thủy sản		24.858				22.000	
5	Hệ thống tiêu Khu công nghiệp Phước Nam và Trung tâm huyện Thuận Nam	Công ty TNHH Một TV Khai thác các CT thủy lợi	19/NQ-HĐND 19/3/2021	66.118				60.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đập dâng Bà Rợ, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc	Công ty TNHH Một TV Khai thác các CT thủy lợi	16/NQ-HĐND 19/3/2021	14.766				13.000	
7	Đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh đoạn Đê biển khu vực Nhơn Hải, xã Thanh Hải	Chi cục Thủy lợi	20/NQ- HĐND 19/3/2021	26.388				24.000	



TT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
8	Cải tạo, nâng cấp đập dâng Tà Cú, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc	Công ty TNHH Một TV Khai thác các CT thủy lợi	17/NQ-HĐND 19/3/2021	14.947				13.000	
9	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá lán xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc			93.454				83.000	
	<b>Giao thông</b>							<b>84.000</b>	
10	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	81/NQ-HĐND 10/12/2020	94.029				84.000	
	<b>Y tế</b>							<b>78.000</b>	
11	Nâng cấp mở rộng Trường Trung cấp y tế	Trường Trung cấp y tế	92/NQ-HĐND 10/12/2020	55.251				50.000	
12	Nâng cao năng lực phòng thí nghiệm theo TCVNISO/IEC 17025 và GLP của Trung tâm Kiểm soát dược phẩm và thiết bị y tế giai đoạn 2021-2023	Trung tâm Kiểm soát dược phẩm và thiết bị y tế		31.626				28.000	
	<b>Giáo dục Đào tạo</b>							<b>162.600</b>	
13	Trường cao đẳng nghề chất lượng cao	Trường cao đẳng nghề		79.400				12.000	Phần vốn ngân sách tỉnh
14	Nhà vòm bảo vệ và Bể bơi phòng chống đuối nước cho học sinh tại Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố PR-TC	Chi cục Thủy lợi	30/NQ-HĐND 17/7/2020	1.270				1.200	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KH 2021
15	Trường Tiểu học Phước Bình C	Chi cục Thủy lợi	527/QĐ-UBND 26/3/2021	8.959				8.000	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KH 2021
16	Dự án Xây mới trường THPT Nguyễn Trãi, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng	03/NQ-HĐND 19/3/2021	97.214				89.000	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KH 2021
17	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Văn Trỗi, hạng mục xây mới 02 phòng bán trú, xây mới bếp ăn và nhà ăn học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	22/NQ-HĐND 19/3/2021	2.240				2.000	
18	Trường PT DTBT THCS Nguyễn Văn Linh, hạng mục xây mới 12 phòng bán trú, xây mới bếp ăn và nhà ăn học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	23/NQ-HĐND 19/3/2021	7.946				7.100	
19	Trường THCS bán trú Ngô Quyền, hạng mục xây mới 12 phòng bán trú, nhà ăn học sinh kết hợp với 02 kho	Sở Giáo dục và Đào tạo	21/NQ-HĐND 19/3/2021	9.715				8.700	
20	Trường PTDTBT THCS Đinh Bộ Lĩnh, hạng mục xây mới bếp ăn và nhà ăn học sinh, Sửa chữa 13 phòng bán trú	Sở Giáo dục và Đào tạo	26/NQ-HĐND 19/3/2021	2.808				2.500	
21	Trường PT DTBT THCS Nguyễn Huệ, hạng mục xây mới bếp ăn và nhà ăn học sinh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	27/NQ-HĐND 19/3/2021	1.193				1.000	
22	Trường PT DTBT THCS Lê Lợi, hạng mục Khối bán trú, Bếp ăn, nhà ăn học sinh và hệ thống PCCC	Sở Giáo dục và Đào tạo	25/NQ-HĐND 19/3/2021	13.545				12.400	



STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
23	Trường PTDTBT THCS Phước Hà, hạng mục Xây mới khu bán trú và bếp ăn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	28/NQ-HĐND 19/3/2021	8.618				7.700	
24	Trường PTDTBT THCS Phan Đình Phùng, hạng mục xây mới 26 phòng bán trú, bếp ăn và nhà ăn học sinh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	24/NQ-HĐND 19/3/2021	12.734				11.000	
	<b>Khoa học công nghệ</b>							<b>32.500</b>	
25	Dự án: Đầu tư trang thiết bị kiểm tra hàm lượng Octan trong xăng và lưu huỳnh trong dầu Diesel của Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Ninh Thuận	Sở Khoa học Công nghệ	94/NQ-HĐND 10/12/2020	1.658				1.500	
26	Trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học của Trung tâm thông tin - ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	Sở Khoa học Công nghệ	90/NQ-HĐND 10/12/2020	34.993				31.000	
	<b>Phát thanh truyền hình</b>							<b>17.100</b>	
27	Đầu tư Nâng cấp hệ thống máy phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	89/NQ-HĐND 10/12/2020	10.000				9.000	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KI 2021
28	Phát triển tín hiệu Phát thanh, truyền hình Ninh Thuận trên hạ tầng Internet	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	88/NQ-HĐND 10/12/2020	9.000				8.100	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KI 2021
	<b>Văn hóa - xã hội</b>							<b>7.500</b>	
29	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm công tác xã hội ( cơ sở 2: Nuôi dưỡng người tâm thần)	Sở Lao động Thương binh Xã hội	266/QĐ-UBND 09/02/2021	8.339				7.500	Đã được HĐND tỉnh thông qua bố trí KI 2021
	<b>Quản lý nhà nước</b>							<b>123.000</b>	
30	Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin Truyền thông		186.200				123.000	
c	<b>Hỗ trợ các Chương trình đề án trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ quan trọng khác</b>							<b>431.000</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
1	Khu Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Ninh Thuận	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp		1.304.449					Dự kiến bố trí đền bù 115 tỷ đồng
2	Xây dựng Khu tưởng niệm các Vua Hùng và tượng đài Bác Hồ tại khu vực núi Đá chông, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp		221.528					Dự kiến bố trí 136 tỷ đồng TMĐT 221 tỷ đồng, trong đó NSNN 136 đồng, XHH 85 tỷ đồng theo CV 943/TTg-BQL ngày 17/12/2020 của Ban Dân dụng
3	Đổi mới Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo		55.000					Dự kiến bố trí 55 tỷ đồng Nhu cầu đầu tư 98 phòng học, tương đương (suất đầu tư 550 trđ/phòng)

TT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Tổng vốn đã bố trí		KH 2021- 2025 tại CV 419/TTg- KTTH	Dự kiến KH 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
4	Hỗ trợ các Chương trình đề án trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ cấp thiết khác								Dự kiến bố trí 125 tỷ đồng
<b>III</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>							<b>120.900</b>	Bảng kế hoạch năm 2021. Các năm tiếp theo Trung ương bố trí từ nguồn dự phòng chung KH trung hạn vốn NSĐP
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước						82.496	
2	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB3)	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước						11.000	
3	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT						3.000	
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT						20.404	
5	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận	Sở Y tế						4.000	





**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NƯỚC NGOÀI**  
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu							Lũy kế vốn đã bố trí đến 2020					Nhu cầu vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025		
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng	Vốn cấp phát	Vốn vay lại		Vốn cấp phát	Vốn vay lại				
					Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW									Vay lại		
<b>Tổng số</b>				9.241.468	1.715.781	975.868	0	7.525.726	4.335.209	926.937	799.780	197.543	538.235	64.002	6.914.535	2.274.800	874.514	2.395.700	2.274.800	120.900
I	Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			4.189.987	714.906	562.609	0	3.475.120	2.726.897	748.223	799.780	197.543	538.235	64.002	2.863.929	2.168.129	695.800	2.288.700	2.167.800	120.900
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			308.801	34.113	0	0	274.728	244.047	30.681	160.055	14.340	130.384	15.331	123.100	108.500	14.600	122.500	108.500	14.000
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Ninh Thuận -WB8	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	83/QĐ-UBND 18/01/2019	77.955	13.827			64.168	54.543	9.625	46.398	6.500	33.913	5.985	24.100	20.500	3.600	23.500	20.500	3.000
2	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban XDNL và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	230.846	20.286			210.560	189.504	21.056	113.657	7.840	96.471	9.346	99.000	88.000	11.000	99.000	88.000	11.000
	Bảo vệ môi trường			3.788.266	661.013	542.829	0	3.127.252	2.417.024	710.228	628.959	182.803	398.522	47.634	2.678.132	2.003.132	675.000	2.105.800	2.002.900	102.900
3	Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban XDNL và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2989a/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 1532/QĐ-UBND 24/9/2019	1.962.367	282.411	282.411	75,25 triệu USD	1.679.956	1.175.969	503.987	208.988	115.900	45.454	47.634	1.586.000	1.117.000	469.000	1.199.496	1.117.000	82.496
4	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tiêu dự án tỉnh Ninh Thuận	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	564/QĐ-UBND 31/3/2017	412.635	51.034			361.600	361.600		150.762	31.218	119.544		242.056	242.056		242.000	242.000	
5	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	1769/QĐ-UBND 29/10/2018	94.565	10.000	10.000		84.565	84.565		47.768	2.964	44.804		39.761	39.761		39.700	39.700	
6	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	1770/QĐ-UBND 29/10/2018	189.098	19.968	19.968		169.130	169.130		90.072	6.057	84.015		85.115	85.115		85.000	85.000	
7	Hồ chứa nước Kiên Kiên	BQL DAĐT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	05/NQ-HĐND 19/3/2021	291.488	146.956	125.000		144.532	144.532		126.171	21.466	104.705		39.200	39.200		39.200	39.200	



STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu							Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 2020				Nhu cầu vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025			
			Số quyết định	TMĐT																
				Trong đó:																
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)													
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt													
Tổng số	Trong đó: NSTW	Vay lại	Tổng số				Vốn đối ứng	Vốn cấp phát	Vốn vay lại	Tổng số	Vốn cấp phát	Vốn vay lại								
8	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL DABT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	1154/QĐ-UBND 10/7/2018	838.113	150.644	105.450		687.469	481.228	206.241	5.198	5.198	-	-	686.000	480.000	206.000	500.404	480.000	20.404
	Y tế, dân số và gia đình			92.920	19.780	19.780	0	73.140	65.826	7.314	10.766	400	9.329	1.037	62.697	56.497	6.200	60.400	56.400	4.000
9	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần Ninh Thuận	Sở Y tế	491/QĐ-UBND ngày 01/4/2019	92.920	19.780	19.780		73.140	65.826	7.314	10.766	400	9.329	1.037	62.697	56.497	6.200	60.400	56.400	4.000
II	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			5.051.481	1.000.875	413.259	0	4.050.606	1.608.312	178.714	0	0	0	0	4.050.606	1.608.312	178.714	107.000	107.000	0
1	Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Ninh Thuận	Sở Nông nghiệp và PTNT		145.332	37.959	37.959	4.435 triệu Euro	107.373							107.373			107.000	107.000	
2	Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ trong bối cảnh thiếu an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ"	Sở Nông nghiệp và PTNT		148.098	20.816			127.282							127.282					
3	Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - Hợp phần tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN		1.112.591	226.286			886.305							886.305					
4	Giám phát khí thải nhà kính khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ tỉnh Ninh Thuận	Ban chuẩn bị dự án tam nông		835.000	260.000			575.000							575.000					
5	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước và Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Sở Y tế		121.453	15.261	15.261	4.754.429 USD	106.192	106.192	11.030					106.192	106.192	11.030			
6	Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng với biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - Tiểu dự án Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN		1.468.843	262.039	262.039		1.206.804	1.086.120	120.684					1.206.804	1.086.120	120.684			
7	Phát triển thủy sản bền vững (SFID) tỉnh Ninh Thuận	Sở Nông nghiệp và PTNT		561.000	98.000	98.000	20 triệu USD	463.000	416.000	47.000					463.000	416.000	47.000			
8	Đầu tư mua sắm trang, thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Bệnh viện đa khoa tỉnh		317.014,00	29.014,00			288.000,00							288.000					
9	Dự án "Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu" vay vốn WB	Sở Nông nghiệp và PTNT		342.150,00	51.500,00			290.650,00							290.650					